

## HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG CỦA ĐỒNG BÀO KHMER VÙNG VEN BIỂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA

NGUYỄN NGỌC ANH\*

PHAN VĂN DÓP\*\*

**Tóm tắt:** *Tín dụng là một trong những khía cạnh phản ánh tính năng động trong sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống của môi trường đô thị hóa. Ở vùng người Khmer còn được hỗ trợ bởi các chính sách ưu đãi qua các chương trình mục tiêu quốc gia. Bài viết vận dụng phối hợp cách tiếp cận định tính và định lượng, nghiên cứu tại hai xã phường ven biển đang đô thị hóa có đông người Khmer tại thành phố Cần Thơ. Dữ liệu gồm thông tin định lượng 120 hộ đồng bào Khmer được chọn ngẫu nhiên và các 12 cuộc phỏng vấn. Kết quả nghiên cứu cho thấy: i) nguồn vay mượn khá đa dạng gồm vay phải trả lãi và các hỗ trợ trong cộng đồng; ii) vay mượn để xây/sửa nhà cửa và đầu tư cho sản xuất là chủ yếu; iii) nguồn vay quan trọng nhất là từ Ngân hàng chính sách; và iv) vay vốn mua đất ở, xây/sửa nhà, xây hồ trữ nước sạch, ... đã giúp cải thiện điều kiện sống nhưng vay vốn sản xuất chưa đem lại hiệu quả kinh tế. Có thể nói, sản xuất của hộ đồng bào/người Khmer ở ven biển đang đô thị hóa vẫn còn nhiều khó khăn, thử thách và nợ nần là một trong ba mối quan tâm nhất.*

**Từ khóa:** vay mượn, hoạt động tín dụng, người Khmer.

Nhận bài: 04/8/2025

Gửi phản biện: 30/8/2025

Duyệt đăng: 02/12/2025

---

### 1. Đặt vấn đề

Nhu cầu chi tiêu và đầu tư cho sản xuất ngày nay không chỉ từ nguồn vốn của chính hộ gia đình mà còn được bổ trợ thêm bởi hoạt động tín dụng chính thức và phi chính thức trên thị trường. Người Khmer hiện được vay ưu đãi từ nguồn vốn của Nhà nước phục vụ sản xuất, chuyển đổi việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống, nhất là nhà ở. Những hộ nghèo, cận nghèo hoặc các hộ có người là thành viên của các hội chính trị-xã hội (Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hợp tác xã, ...) được vay ưu đãi từ Ngân hàng chính sách xã hội (NHCS), vay tín chấp từ các hội (hình thức vay uỷ thác từ NHCS),... và từ các nguồn vay khác nhau trong mạng lưới tín dụng khá đa dạng trên thị trường. Đáng chú ý là có nhiều dự án trong chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) được thực hiện trên vùng

---

\* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

\*\* Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

đồng bào Khmer, trong đó có những dự án ưu đãi về tín dụng thông qua NHCS. Bài viết cung cấp những thông tin về hoạt động tín dụng ở đồng bào Khmer vùng ven biển thành phố (TP.) Cần Thơ<sup>1</sup>. Trong một chừng mực nhất định, bài viết cũng so sánh giữa hai địa bàn đang đô thị hóa ở mức độ khác nhau trong hoạt động tín dụng.

## 2. Cơ sở lý luận, nguồn dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

Tổng quan cho thấy công trình *Banker to the Poor: Micro-Lending and the Battle Against World Poverty* (2003) của Yunus M.<sup>2</sup>, có ý nghĩa lý thuyết và mang tính thực tiễn cao trong việc hỗ trợ người nghèo. Đây là tác phẩm kinh điển, có sức lan tỏa mạnh trên toàn thế giới, giải thích cặn kẽ mô hình tín dụng nhỏ không thể chấp cho người nghèo và ưu tiên cho phụ nữ vay vốn. Tại Việt Nam, các nghiên cứu của Ngân hàng thế giới, Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc... cũng đề cập đến hoạt động tín dụng của NHCS cho người nghèo trong các nghiên cứu có tính bao quát hơn. *Báo cáo nghèo đa chiều Việt Nam*, khi đề cập đến nhóm an sinh xã hội “việc làm, đảm bảo thu nhập tối thiểu và giảm nghèo” nhằm tạo việc làm, đã nêu lên các hỗ trợ, trong đó “tín dụng ưu đãi” được xếp vào loại hỗ trợ hàng đầu (Nguyễn Thắng và cộng sự, 2021:38). Nhóm tác giả cũng cung cấp những huy động nguồn lực để thực hiện giảm nghèo rất ấn tượng của Chính phủ và các tổ chức chính trị xã hội (Nguyễn Thắng và cộng sự, 2021:39),... Chính sách đối với người nghèo của Việt Nam được các tổ chức quốc tế đánh giá rất cao, nhưng Ngân hàng thế giới thấy rằng cần hỗ trợ cho những hộ trên ngưỡng nghèo nhưng thuộc các hộ dưới ngưỡng “an ninh kinh tế”, gồm những hộ dưới ngưỡng an ninh kinh tế “kinh niên”, và những hộ dưới ngưỡng an ninh kinh tế “do rủi ro gây ra”. Và, “Những hộ này hầu như cần được tiếp cận tốt hơn với các cơ hội kinh tế, cần được hỗ trợ bằng tiền và cần được cung cấp các dịch vụ cơ bản tốt hơn để tạo điều kiện đầu tư vào vốn vật chất và vốn nhân lực” (Ngân hàng thế giới, 2022:15).

Về khái niệm: Hoạt động tín dụng tại các xã phường khảo sát bao gồm chủ yếu là vay và mượn. Theo cách nói thông thường của người Khmer thì vay là phải trả lãi còn mượn thì chỉ là “hỗ trợ” không phải trả lãi. Vay phải trả lãi có từ nhiều nguồn vay như ngân hàng, người chuyên cho vay, vay từ người quen, cầm tài sản,... mà chúng tôi gọi chung thành một loại hình “các nguồn vay có trả lãi”. Mua thiếu vật tư nông nghiệp được xếp vào hình thức mượn vì mặc dù mua thiếu nhưng vẫn theo nguyên tắc thỏa thuận giá cả giữa bên mua và bên bán nên người dân địa phương không xem là vay phải trả lãi. Nhìn từ góc độ người cần tiền để sản xuất hoặc giải quyết cho nhu cầu tiêu dùng trong cuộc sống thì có nhiều hình thức vay mượn khác nhau. Mượn không trả lãi là sự hỗ trợ tích cực giúp người mượn giải quyết những nhu cầu tức thời và thường là nằm trong mạng lưới xã hội tại cộng đồng phum sóc (họ hàng, lối xóm, bạn bè,...). Từ vay phải trả lãi đến mượn, mua “chịu” (mua

<sup>1</sup> Theo Khoản 19, Điều 1, Nghị quyết số 202/2025/QH15 Về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Kỳ họp thứ 9, thông qua ngày 12/6/2025: Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ. Sau khi sắp xếp, thành phố Cần Thơ có diện tích tự nhiên là 6.360,83 km<sup>2</sup>, giáp các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Cà Mau, Vĩnh Long và Biển Đông.

<sup>2</sup> Tiên sỹ Muhammad Yunus, Giám đốc, chủ Ngân hàng Grameen, được trao giải Nobel Hòa bình năm 2006.

thiếu) thức ăn hàng ngày đến mua “chịu” vật tư nông nghiệp, tạm ứng trước tiền bán sản phẩm (bán non sản phẩm), cầm tài sản có giá trị... trong bài viết này, được gọi chung là “tín dụng” hay đơn giản là “vay mượn”.

Dữ liệu của bài viết trích từ đề tài cấp Viện “Chuyển đổi kinh tế xã hội của người Khmer tại thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng trong bối cảnh thích ứng biến đổi khí hậu”, Viện Khoa học xã hội vùng Nam bộ là cơ quan chủ trì<sup>3</sup>, gồm thông tin từ 120 hộ khảo sát bằng phiếu hỏi được tiến hành vào tháng 8/2014, thông tin từ các 12 cuộc phỏng vấn và các tài liệu thứ cấp là các báo cáo của các cơ quan và chính quyền địa phương. Các cuộc phỏng vấn gồm 6 hộ Khmer gặp khó khăn do biến đổi khí hậu đối với các hoạt động sản xuất tiêu biểu của địa phương (nuôi tôm, trồng hành tím, trồng lúa...), 2 cuộc phỏng vấn đối với cơ quan cấp huyện có liên quan (Phòng Dân tộc và Phòng Thống kê huyện Vĩnh Châu), 4 cuộc phỏng vấn lãnh đạo hai xã phường và hai ấp/khu phố khảo sát. Để tạo điều kiện cho việc trình bày và theo dõi, tên các đơn vị hành chính được sắp xếp lại từ ngày 01/7/2025 hiện không còn sẽ được thêm vào từ “cũ”, như tỉnh Sóc Trăng cũ, thị xã Vĩnh Châu cũ, Phường 2 cũ... Địa bàn khảo sát cụ thể là ấp Âu Thọ A và ấp Trà Sét, xã Vĩnh Hải<sup>4</sup>; khóm Cà Lãng B và khóm Vĩnh Bình, Phường 2, thị xã Vĩnh Châu cũ, nay là phường Vĩnh Châu<sup>5</sup>. Dân số Khmer tại các điểm khảo sát đều chiếm từ 60% trở lên trong dân số của ấp/khóm. Tại xã Vĩnh Hải, dân số Khmer chiếm 46%, trong đó, ở ấp Âu Thọ A dân số Khmer chiếm 65,3%, ấp Trà Sét 76,1%; tại Phường 2 cũ, dân số Khmer chiếm 74%, trong đó, khóm Cà Lãng dân số Khmer chiếm 93,5% và khóm Vĩnh Bình 97,6% (UBND thị xã Vĩnh Châu, 9/2024). Tổng số hộ khảo sát phiếu hỏi là 120 hộ, 618 nhân khẩu, mỗi ấp, khu phố khảo sát 30 hộ. Trong mẫu khảo sát có 20 hộ nghèo và cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025: xã Vĩnh Hải 11 hộ, Phường 2 cũ có 9 hộ.

### **3. Kết quả phân tích**

#### ***Vài nét về địa bàn khảo sát***

Các điểm khảo sát của đề tài đều thuộc thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cũ (thành lập năm 2011), gồm 10 đơn vị xã phường, trong đó có 7 xã phường giáp biển, có lợi thế nuôi trồng thủy sản. Dân số của thị xã vào năm 2024 là 166.809 người, dân số các dân tộc thiểu số (DTTS) là 115.253 người, chiếm 69,1% dân số thị xã. Trong đó, người Khmer chiếm tỷ lệ cao nhất với 52,4% (87.318 người), kế đó là người Kinh chiếm 30,9% (51.556 người), người Hoa chiếm 16,7% (27.873 người), dân tộc khác chỉ có 62 người (0,04%).

<sup>3</sup> Đề tài cấp Viện năm 2024 “Chuyển đổi kinh tế xã hội của người Khmer tại thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng trong bối cảnh thích ứng biến đổi khí hậu” do Nguyễn Ngọc Anh, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ làm chủ nhiệm đề tài.

<sup>4</sup> Theo Khoản 96, Điều 1, Nghị quyết số 1668/NQ-UBTVQH15 của UBTV Quốc hội Khóa XV thông qua ngày 16/6/2025, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2025, sau khi sắp xếp, thành phố Cần Thơ có 103 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 31 phường và 72 xã; trong đó có 30 phường, 65 xã hình thành sau sắp xếp và 8 đơn vị hành chính cấp xã không thực hiện sắp xếp. Xã Vĩnh Hải là một trong 8 đơn vị hành chính cấp xã không thực hiện sắp xếp.

<sup>5</sup> Khoản 27, Điều 1, Nghị quyết số 1668/NQ-UBTVQH15 của UBTV Quốc hội Khóa XV quy định: “Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Phường 1 và Phường 2 (thị xã Vĩnh Châu), xã Lạc Hòa thành phường mới có tên gọi là phường Vĩnh Châu”.

Quá trình công nghiệp hoá và đô thị hóa tại thị xã Vĩnh Châu cũ diễn ra song song với việc xây dựng Quốc lộ Nam sông Hậu (Quốc lộ 91B), xây dựng các nhà máy điện gió, các khu công nghiệp (KCN), như KCN Trần Đề (đã đi vào hoạt động), KCN Mỹ Thanh (đang hoàn thiện cơ sở hạ tầng)<sup>6</sup>,... Tuy nhiên, địa hình tự nhiên nhiều bãi ngang, chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu làm cho đời sống của người dân gặp nhiều khó khăn. Thị xã Vĩnh Châu cũ có 09 xã, phường thuộc vùng đồng bào DTTS<sup>7</sup>, với 72 ấp, khóm. Trong đó có 43 ấp, khóm đặc biệt khó khăn (UBND thị xã Vĩnh Châu, 6/2024). Cũng cần phải nói thêm là trong toàn tỉnh Sóc Trăng cũ có 46 xã phường thuộc khu vực I và 17 xã phường thuộc khu vực III<sup>8</sup>.

Hai xã phường khảo sát đều thuộc khu vực I và có biển là xã Vĩnh Hải và Phường 2 của thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cũ<sup>9</sup>. Sau trận bão lớn năm 1997, các hộ nằm ngoài đê biển đều đã được di dời vào bên trong đê. Tại xã Vĩnh Hải đã thành lập 4 khu tái định cư, bố trí cho 400 hộ sống ngoài đê di dời vào. Phường 2 cũ nằm trong nội thị, không lập khu tái định cư nhưng các hộ dân đều đã được đưa vào bên trong đê.

Trên địa bàn xã Vĩnh Hải có chợ Vĩnh Hải nằm tại ấp Trà Sét, là ấp trung tâm của xã, nằm trên Quốc lộ Nam sông Hậu (NSH). Hai bên quốc lộ tại khu vực chợ, trong những năm gần đây phát triển nhiều cửa hàng, tiệm tạp hóa, quán ăn uống, tiệm dịch vụ,... hoạt động từ 4 giờ sáng đến khoảng 7 giờ tối. Trên địa bàn Phường 2 cũ có hai chợ, đều nằm trên Quốc lộ NSH. Chợ Chùa Mới, nằm trên cả hai khóm Vĩnh Bình và Cà Lãng B; chợ Cà Lãng A, cũng nằm trên khóm Vĩnh Bình. Hai chợ này đều nằm gần trung tâm thị xã Vĩnh Châu cũ, có qui mô nhỏ hơn chợ Vĩnh Hải và chỉ tập trung đông từ 4 giờ sáng đến 11, 12 giờ trưa. Theo quan sát của chúng tôi thì các cửa hàng dọc quốc lộ, các sạp bán hàng bên trong các chợ trên hầu hết là của người Hoa và người Kinh. Tại hai xã phường khảo sát đều có cửa hàng cung cấp vật tư, nguyên liệu cho sản xuất nông nghiệp và thủy sản đồng thời có cửa hàng thu mua sản phẩm. Người Khmer nếu có sản phẩm nông nghiệp, có thể bán cho cửa hàng, cho thương lái hoặc trực tiếp mang ra chợ bán dưới hình thức “buôn gánh bán bưng” của người nông dân nghèo nếu sản phẩm có số lượng ít.

Thị xã Vĩnh Châu cũ nổi tiếng với củ hành tím và trồng hành tím là nghề truyền thống của địa phương, đặc biệt là người Khmer và người Hoa tại xã Vĩnh Hải và Phường 2 cũ. Tại Phường 2 cũ, người dân cũng đã thành lập Hợp tác xã hành tím. Nuôi trồng thủy sản cũng đã phát triển từ hơn 20 năm nay nhưng chủ yếu là của người Kinh và người Hoa, vì

<sup>6</sup> KCN Mỹ Thanh được thành lập tại Nghị quyết số 186/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng (cũ), ngày 08/12/2021, về nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng khu công nghiệp Mỹ Thanh, tại ấp Huỳnh Kỳ, xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

<sup>7</sup> Thị xã Vĩnh Châu cũ có chín xã phường vùng đồng bào dân tộc thiểu số là Phường 1, Phường 2, phường Khánh Hòa, phường Vĩnh Phước, các xã Vĩnh Hải, Lai Hòa, Vĩnh Tân, Lạc Hòa và xã Hòa Đông.

<sup>8</sup> Quyết định 33/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 12/11/2020 về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025. Theo văn bản này, thành phố Cần Thơ cũ có 6 xã đều thuộc khu vực I; tỉnh Hậu Giang cũ có 2 xã thuộc khu vực I và 2 xã thuộc khu vực III.

<sup>9</sup> Theo Tổng cục Thống kê, 2020: Toàn tỉnh Sóc Trăng (cũ) có 10 xã (52 ấp) được xếp vào nhóm các xã hải đảo, trong khi toàn ĐBSCL là 32 xã (164 ấp).

đầu tư cao và đòi hỏi kỹ thuật tương đối phức tạp. Hiện nay, tôm sú và tôm thẻ là thế mạnh trong nuôi trồng thủy sản của hai địa phương này.

Sau khi Cầu Mỹ Thanh 2 khánh thành và thông xe (25/12/2023) thì tuyến Quốc lộ NSH dài 162km, nối TP. Cần Thơ cũ với TP. Bạc Liêu, qua các tỉnh Hậu Giang (cũ), Sóc Trăng (cũ) cũng thông suốt. Từ cửa Trần Đề, tuyến quốc lộ này chạy song song với bờ biển và qua hai xã phường khảo sát. Quốc lộ NSH đã tạo thuận lợi lớn lao trong việc vận tải hành khách và hàng hóa khu vực ven biển Nam sông Hậu. Hiện đã có tuyến xe khách chạy từ Xa cảng Miền Tây (Thành phố Hồ Chí Minh) đến phường Vĩnh Châu theo tuyến đường này, rút ngắn một cách đáng kể về đoạn đường và thời gian. Đây cũng là con đường quan trọng vận chuyển công nhân, nguyên liệu, sản phẩm ra vào khu công nghiệp Trần Đề (thành lập năm 2021), tỉnh Sóc Trăng cũ. Theo lãnh đạo của xã Vĩnh Hải và Phường 2 cũ thì đời sống của người dân tại hai địa phương này vào năm 2024 đã khá hơn một cách rõ rệt so với năm 2020, trong đó có tác động tích cực của Quốc lộ NSH. Ven quốc lộ này đã mọc lên nhiều quán xá, nhà nghỉ và hoạt động sản xuất cũng nhộn nhịp hơn. Tỷ lệ hộ nghèo (đã chiều) giảm một cách đáng kể: “tỷ lệ hộ nghèo hằng năm giảm từ 3 - 4%; tỷ lệ hộ nghèo năm 2019 là 13,46%, giảm còn 3,35%; tỷ lệ hộ nghèo DTTS năm 2019 là 24,5%, giảm còn 3,52%”. Hộ nghèo và cận nghèo tại thị xã Vĩnh Châu đa số là hộ người Khmer (UBND thị xã Vĩnh Châu, 2024).

Trong xu thế công nghiệp hoá và đô thị hoá, số doanh nghiệp tại thị xã Vĩnh Châu cũ từ cuối năm 2019 đến cuối năm 2023 là từ 140 doanh nghiệp lên 174 doanh nghiệp, tăng 24,3% (Chi cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng, 2025:207). Tại xã Vĩnh Hải, KCN Mỹ Thanh (áp Huỳnh Kỳ) đang hoàn thiện cơ sở hạ tầng hứa hẹn thu hút lao động của xã và là điều kiện mở thêm các dịch vụ phục vụ công nhân KCN này. Mặt khác, xã Vĩnh Hải còn có Hòn Bể với cảnh quan đẹp có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái biển tốt. Lợi thế du lịch biển của xã Vĩnh Hải còn thể hiện ở chỗ nhà máy điện gió của thị xã Vĩnh Châu cũ đặt tại xã Vĩnh Hải đã đi vào hoạt động và hòa vào lưới điện quốc gia. Các đường dẫn ra các trụ điện gió chạy trên biển đang thu hút nhiều người đến tham quan, ngắm cảnh, chụp ảnh lưu niệm,... có thể kết hợp với Hòn Bể để tạo ra nguồn tài nguyên du lịch biển tại địa phương. Du khách cũng đã biết đến các thắng cảnh này và bắt đầu đến tham quan. Ngành du lịch cũng đang xúc tiến kêu gọi đầu tư cho hoạt động du lịch tại xã Vĩnh Hải.

Nằm tại vị trí có cửa sông Mỹ Thanh và giáp biển, trong xu thế công nghiệp hoá, đô thị hoá và phát triển du lịch biển, các xã phường ven biển TP. Cần Thơ đang có lợi thế phát triển. Tuy nhiên, nguồn nhân lực có mặt bằng học vấn thấp, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo càng thấp hơn khiến cho khả năng đáp ứng công việc đòi hỏi kỹ thuật cao, khả năng chuyển đổi nghề nghiệp,... là thách thức lớn và lâu dài của địa phương.

#### ***Đặc trưng dân cư mẫu khảo sát***

Theo Báo cáo của UBND xã Vĩnh Hải và Phường 2 cũ thì vào năm 2024, dân số người Khmer xã Vĩnh Hải chiếm 46% dân số toàn xã, ở Phường 2 cũ là 74%. Cơ cấu dân cư của hai xã phường khảo sát gồm người Kinh, người Khmer, người Hoa và xu hướng cư trú xen kẽ giữa ba tộc người ngày càng trở nên phổ biến. Bên cạnh đó vẫn có một số nơi có

sự cư trú tập trung của người Khmer, vốn là các phum sóc của họ. Về mức sống, trong ba tộc người thì người Khmer có mức sống thấp nhất. Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo (đa chiều) năm 2024 tại Phường 2 cũ chiếm hơn 6%, tại xã Vĩnh Hải là 5,11% và đa số là hộ người Khmer.

Lực lượng lao động trong độ tuổi của 120 hộ khảo sát là 392 người, chiếm 63,4% dân số<sup>10</sup>. Trong đó, 82,9% (325 người) đang làm việc và có thu nhập: 60 hộ ở xã Vĩnh Hải có 81,8% (166 người), và trong 60 hộ ở Phường 2 cũ là 84,1% (159 người). Các loại công việc chính mà lực lượng lao động này làm trong 12 tháng trước cuộc khảo sát là: 1) làm nông nghiệp cho gia đình, 2) làm thuê nông nghiệp/phi nông nghiệp tại địa phương, 3) làm phi nông nghiệp tại địa phương, và 4) đi làm ăn xa. Đáng chú ý là lao động đi làm ăn xa chiếm tỷ lệ cao nhất trong lực lượng lao động tạo thu nhập với 36,9% (120 người). Tỷ lệ này ở các hộ khảo sát tại xã Vĩnh Hải là 36,8% (61 người) và ở Phường 2 cũ là 37,1% (59 người).

Một chỉ báo quan trọng cho yêu cầu phát triển bền vững nói chung và tạo nguồn thu khả dĩ đáp ứng cho nhu cầu cuộc sống nói riêng là học vấn của cộng đồng cư dân. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chỉ nêu lên một số kết quả về học vấn của lực lượng lao động nhằm minh họa cho mức thu nhập của 120 hộ được khảo sát. Với một lực lượng lao động gồm 392 người, trong đó có 82,9% đang làm việc tạo thu nhập. Học vấn trung bình của người lao động trong 120 hộ khảo sát là lớp 8. Tuy nhiên, học vấn trung bình phổ biến của người lao động tại xã Vĩnh Hải chỉ là lớp 6, trong khi ở Phường 2 cũ là lớp 9.

**Bảng 1. Học vấn trung bình của người lao động, chia theo xã phường khảo sát**

	Xã Vĩnh Hải	Phường 2 (cũ)	Toàn cuộc khảo sát		
			Nam	Nữ	Chung
Số người	203	189	210	182	392
Học vấn trung bình (năm học)	8,3	7,7	8	8	8
Học vấn phổ biến nhất (lớp)	6	9	9	9	9

*Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024.*

Trên cơ sở ghi nhận các nguồn thu của 120 hộ, mức bình quân thu nhập đầu người/tháng (BQTNDN/tháng) trong 12 tháng trước cuộc khảo sát là 1,94 triệu đồng/người/tháng. Trong đó, tại xã Vĩnh Hải là 1,8 triệu đồng/người/tháng và tại Phường 2 cũ là 2,1 triệu đồng/người/tháng. Mặc dù có sự chênh lệch về BQTNDN giữa các hộ khảo sát tại xã Vĩnh Hải và Phường 2 cũ nhưng sự chênh lệch đó chưa tạo ra sự khác biệt có tính phân hoá giữa hai nơi. So với tiêu chí thu nhập của các tiêu chí nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 là 1,5 triệu đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và 2 triệu đồng/người/tháng khu vực thành thị (NQ số 07/2021/NQ-CP, ngày 27/01/2021), thì có đến 73 hộ (395 người) có BQTNDN/tháng thấp hơn chuẩn nghèo về thu nhập. Trong 60 hộ khảo sát tại xã Vĩnh Hải (khu vực nông thôn) có đến 56,7% số hộ (hay 60,8% số nhân khẩu) có thu nhập dưới 1,5 triệu đồng/người/tháng; trong 60 hộ khảo sát tại Phường 2 cũ (khu vực thành thị) có

<sup>10</sup> Theo qui định tuổi nghỉ hưu mới của Bộ Lao động và thương binh xã hội, chúng tôi qui tuổi lao động đối với nam là từ 15 đến 61 tuổi, đối với nữ là từ 15 đến 57 tuổi.

đến 65% số hộ (67,1% nhân khẩu) có thu nhập dưới 2 triệu đồng/người/tháng (Bảng 2). Thực tế này khá tương đồng với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thắng và cộng sự (2012:14-15): “cứ 1 trong 5 người đồng bào dân tộc Khmer, Dao và các đồng bào dân tộc thiểu số khác là người nghèo đa chiều trong năm 2020”. Kết quả nghiên cứu cho thấy canh tác và nuôi thủy sản của hộ Khmer trong 12 tháng trước cuộc khảo sát bị thất mùa. Có đến 5 hộ bị mất trắng, lỗ cả vốn, trở thành hộ không có thu nhập: xã Vĩnh Hải có hai hộ, Phường 2 cũ có ba hộ. Nguyên nhân chính là do sâu rầy, dịch bệnh, hạn hán, giá vật tư và công lao động tăng cao. Trong 87 hộ có trồng cây hàng năm (lúa và hành tím) là hình thức canh tác chính của các hộ Khmer được khảo sát có đến 34 hộ (39,1%) bị lỗ; trong các hộ khảo sát chỉ có 6 hộ nuôi thủy sản thì có đến 4 hộ (66,7%) lỗ trắng. Bài viết không phân tích sâu về tính dễ tổn thương của hộ Khmer trong sản xuất tạo thu nhập nhưng những số liệu trên đã góp phần phản ánh tình trạng “những người dễ bị tổn thương về kinh tế thường nằm ngoài các khu vực nghèo truyền thống ở miền núi, trong đó tỷ trọng nhóm dễ bị tổn thương về mặt kinh tế so với tỷ trọng nhóm nghèo có chênh lệch lớn nhất ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long” (Ngân hàng thế giới, 2022:11).

**Bảng 2. Hộ khảo sát có thu nhập dưới chuẩn nghèo chia theo phường xã**

Thu nhập 12 tháng qua		Xã Vĩnh Hải		Phường 2		Tổng cộng	
		Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %
Dưới ngưỡng nghèo	Hộ	34	56,7	39	65,0	73	60,8
	Nhân khẩu	189	60,8	206	67,1	395	63,9
Tổng số hộ khảo sát	Hộ	60	100	60	100	120	100
	Nhân khẩu	311	100	307	100	618	100

*Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024.*

Vị trí giáp biển, có cửa sông Mỹ Thanh rộng, tương đối sâu và trong quá trình công nghiệp hóa, cư dân xã Vĩnh Hải và Phường 2 cũ đang có cơ hội phát triển. Tuy nhiên, mức sống của hơn 50% số hộ Khmer được khảo sát năm qua gặp nhiều khó khăn do thất mùa trong sản xuất nông nghiệp trong khi việc làm của người lao động là công việc giản đơn (Nguyễn Ngọc Anh, 2024:73), chủ yếu là lao động phổ thông.

#### ***Các hình thức tín dụng của người Khmer tại các phường xã khảo sát***

Cuộc khảo sát ghi nhận được 9 hình thức tín dụng khác nhau và có 54 hộ chiếm 45% hộ khảo sát tham gia vào các hoạt động “tín dụng” khác nhau (Bảng 3). Trong 54 hộ có “vay mượn” thì hình thức vay trả lãi chiếm cao nhất với 38 hộ chiếm 70,4% số hộ có “vay mượn”. Kế đó là mua “chịu” phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư nông nghiệp,... tại các cửa hàng tại địa phương với 14 hộ, chiếm 25,9% số hộ có vay mượn. Ngược lại, chỉ có duy nhất một hộ có thu nhập từ lãi tiết kiệm (tại ấp Trà Sét, xã Vĩnh Hải) năm qua là mười triệu đồng.

Về số tiền vay, mượn, cuộc khảo sát không ghi nhận được các khoản tiền do mua chịu lương thực thực phẩm (sử dụng cho sinh hoạt hàng ngày), mua hàng trả góp,... mà chỉ ghi nhận được số tiền vay phải trả lãi và mượn không trả lãi. Trên thực tế thì các hộ có mua

chịu lương thực thực phẩm hoặc các mặt hàng tiêu dùng hàng ngày và mua hàng trả góp đã trả một phần hoặc đã trả hết. Số tiền còn nợ cho các khoản mua chịu này là nhỏ mà không phải hộ nào cũng có thể nhớ và chúng tôi không ghi nhận được khoản tiền nợ này. Trên tinh thần đó cuộc khảo sát ghi nhận được tổng số tiền vay mượn của cả 54 hộ có vay mượn trong 12 tháng trước cuộc khảo sát là gần 2,5 tỷ đồng, mức vay trung bình là 46,01 triệu đồng/hộ. Trong đó, xã Vĩnh Hải có 30 hộ vay mượn (50% hộ khảo sát) với tổng số tiền là 1,31 tỷ đồng với mức trung bình là 43,53 triệu đồng/hộ; tại Phường 2 cũ có 24 hộ (40% hộ khảo sát), vay mượn tổng số tiền là 1,18 tỷ đồng và mức vay mượn trung bình là 49,13 triệu đồng/hộ. Tại xã Vĩnh Hải, hộ vay cao nhất là 200 triệu đồng để xây nhà ở và ở Phường 2 cũ là 250 triệu đồng để canh tác lúa và hành tím. Các số liệu trên cho thấy rằng không có khác biệt trong việc vay mượn xét về mặt số hộ có vay mượn và mức vay mượn trung bình của các hộ có vay mượn giữa xã Vĩnh Hải, một xã nông thôn với Phường 2 cũ, một phường nằm ở khu vực nội thị của thị xã Vĩnh Châu cũ.

**Bảng 3. Các hình thức tín dụng ở vùng người Khmer chia xã phường khảo sát**

Các hình thức tín dụng	Xã Vĩnh Hải		Phường 2		Tổng cộng	
		Tỷ lệ %		Tỷ lệ %		Tỷ lệ %
Tổng các nguồn vay có trả lãi		66,7		75,0		70,4
Ứng tiền bán sản phẩm		3,3		12,5		7,4
Cầm tài sản		10,0		0,0		5,6
Cầm cổ ruộng đất		3,3		4,2		3,7
Mượn tiền/vàng (không trả lãi)		13,3		12,5		13,0
Mua chịu phân bón, thuốc trừ sâu		30,0		20,8		25,9
Mua chịu, mua trả góp đồ dùng		3,3		0,0		1,9
Mua chịu lương thực, thực phẩm		10,0		0,0		5,6
Hình thức vay mượn khác		3,3		4,2		3,7
Tổng số hộ có vay mượn	30	100		100	54	100
Tổng N						

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024.

Ghi chú: Một hộ có thể đồng thời vay mượn nhiều hình thức khác nhau.

Các nguồn vay có trả lãi nói chung bao gồm vay từ các ngân hàng theo định chế thể chấp (phổ biến là Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn), vay ưu đãi từ NHCS, vay của họ hàng và bạn bè, cầm tài sản có giá trị, các nguồn vay phi chính thức từ người chuyên cho vay. Số hộ có vay phải trả lãi từ các nguồn vay khác nhau gồm 41 hộ, chiếm 96,3% số hộ có vay mượn trong năm trước cuộc khảo sát (Bảng 4). Số hộ vay từ NHCS là cao hơn cả (17 hộ - 41,5%). Điều này phản ánh các CTMTQG đang được thực hiện tại xã Vĩnh Hải và Phường 2 cũ. NHCS với vai trò là công cụ tài chính chủ lực của Chính phủ để thực hiện các CTMTQG giữ vai trò quan trọng và tích cực trong việc hỗ trợ tài chính cho

hoạt động sản xuất của đồng bào Khmer. Vay của người thân, họ hàng và bạn bè trong một chừng mực nào đó là hình thức “vay tín chấp” thông qua mối quan hệ giữa người vay và người cho vay.

**Bảng 4. Các nguồn vay phải trả lãi chia theo phường xã khảo sát**

	Xã Vĩnh Hải		Phường 2 cũ		Tổng cộng	
	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %	Số hộ	Tỷ lệ %
Họ hàng, bạn bè	5	21,7	3	16,7	8	19,5
Người chuyên cho vay	2	8,7	3	16,7	5	12,2
Người buôn bán/Cửa hàng	0	0,0	2	11,1	2	4,9
Dịch vụ cầm đồ	3	13,0	1	5,6	4	9,8
Ngân hàng NN&PTNT	4	17,4	1	5,6	5	12,2
Ngân hàng CSXH	9	39,1	8	44,4	17	41,5
Nguồn khác	2	8,7	4	22,2	6	14,6
<b>Tổng cộng</b>	<b>23</b>	<b>100</b>	<b>18</b>	<b>100</b>	<b>41</b>	<b>100</b>

*Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024.*

*Ghi chú: Một hộ có thể đồng thời vay từ nhiều nguồn khác nhau.*

Một cách tổng quát, có thể phân thành ba nhóm vay mượn là: 1) nhóm hộ chỉ có mượn; 2) nhóm hộ chỉ có vay; và 3) nhóm hộ có cả vay lẫn mượn. Trong 54 hộ có vay mượn, có 12 hộ chỉ có mượn, 32 hộ chỉ có vay và 10 hộ vừa vay vừa mượn. Số hộ vay mượn phân theo tiêu chí trên cho từng xã phường và tiền vay, mượn chia theo 3 nhóm được miêu tả trong Bảng 5.

**Bảng 5. Số hộ và tiền vay mượn trong 12 tháng trước cuộc khảo sát**

Hình thức vay, mượn	Xã Vĩnh Hải			Phường 2 cũ			Tổng cộng		
	Hộ	TB	TC	Hộ	TB	TC	Hộ	TB	TC
Chỉ mượn	6	13	78	6	8,17	49	12	10,58	127
Chỉ vay	17	46,77	795	15	65,41	981,10	32	55,50	1776,10
Vay và mượn	7	61,86	433	3	49,67	149,00	10	58,20	582
<b>Tổng cộng</b>	<b>30</b>	<b>43,53</b>	<b>1.306</b>	<b>24</b>	<b>49,13</b>	<b>1.179,10</b>	<b>54</b>	<b>46,02</b>	<b>2.485,10</b>

*Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024.*

*Ghi chú: TB= Mức vay, mượn trung bình/hộ (triệu đồng).*

*TC= Tổng số tiền vay mượn của tất cả các hộ (triệu đồng).*

### ***Các đặc điểm về tín dụng vùng Khmer ven biển thị xã Vĩnh Châu***

Từ những miêu tả trên, có thể đi sâu phân tích một số đặc điểm về hoạt động tín dụng trong vùng Khmer tại hai địa bàn ven biển TP. Cần Thơ như sau.

- *Tỷ lệ hộ còn nợ cao và là vấn đề đáng quan tâm nhất của hộ*

Số hộ còn đang nợ vào lúc khảo sát là 68 hộ, chiếm 56,7% số hộ khảo sát, trong đó có 23 hộ (19,2% số hộ khảo sát) là nợ cũ của các năm trước, chiếm 32,8% số hộ còn nợ.

Tổng số tiền nợ nhìn chung là cao hơn số tiền vay mượn trong 12 tháng trước cuộc khảo sát: 3,24 tỷ đồng tiền còn nợ so với 2,5 tỷ đồng tiền vay mượn. Cụ thể về số tiền hiện đang còn nợ của các hộ khảo sát chia theo xã phường được tổng hợp trong Bảng 6. Trong số các hộ còn nợ, có hộ nợ 90 triệu từ những năm trước đó và vật thế chấp là “sổ đỏ” mà người trả lời phiếu hỏi gọi là “cầm sổ đỏ”. Tổng số tiền mà các hộ còn nợ ở Phường 2 cũ là 1,75 tỷ đồng, ở xã Vĩnh Hải là 1,49 tỷ đồng và mức nợ trung bình/hộ ở Phường 2 cũ là 48,67 triệu đồng/hộ, ở xã Vĩnh Hải là 46,47 triệu đồng/hộ. Nợ nần là một trong ba mối quan tâm nhất của hộ khảo sát. Khi được hỏi “điều quan tâm nhất của hộ đối với cuộc sống hiện tại là gì?” thì có đến 35,8% người trả lời (43 người) cho biết là “vấn đề nợ nần”. Ba vấn đề quan trọng đang được các hộ khảo sát quan tâm nhất, trước hết là “thiếu vốn làm ăn” (66,7%), thứ hai là “tình trạng sức khoẻ của thành viên gia đình” (50%) và thứ ba chính là “nợ nần” (35,8%). Và, cũng có thể nói trong ba vấn đề đang được hộ quan tâm nhất có đến hai vấn đề liên quan đến hoạt động “tín dụng”.

**Bảng 6. Tiền đang nợ chia theo phường xã khảo sát**

	Xã Vĩnh Hải	Phường 2 cũ	Tổng cộng
Số hộ còn nợ (hộ)	32	36	68
Mức nợ trung bình/hộ (triệu đồng)	46,47	48,67	47,64
Mức nợ lớn nhất (triệu đồng)	170	250	250
Tổng số tiền nợ (triệu đồng)	1.487,10	1.752,20	3.239,30

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2024.

- Chưa có khác biệt trong tín dụng của hộ Khmer ở nội thị và nông thôn.

Sự phát triển của cơ sở hạ tầng, nhất là về đường giao thông, sự hình thành các khu công nghiệp,... thúc đẩy quá trình đô thị hoá diễn ra khá mạnh mẽ tại thị xã Vĩnh Châu cũ hay vùng ven biển của TP. Cần Thơ hiện nay. Hoạt động thương mại-dịch vụ tại đây không ngừng phát triển từ nội thị cho đến các xã khu vực nông thôn. Hoạt động sản xuất cũng từ đó mà trở nên đa dạng hơn. Một vấn đề đặt ra là liệu giữa hai nơi thuộc hai mức độ đô thị hóa khác nhau (Phường 2 cũ nay thuộc phường Vĩnh Châu và xã Vĩnh Hải), việc vay mượn có khác nhau không? Nhìn một cách trực quan thì hoạt động tín dụng của người Khmer ở khu vực đô thị đang diễn ra có phần mạnh hơn khu vực nông thôn. Điều đó thể hiện qua mức vay trung bình của hộ ở Phường 2 cũ cao hơn ở xã Vĩnh Hải, số hộ đang còn nợ và mức nợ trung bình của một hộ ở Phường 2 cũ đều cao hơn ở xã Vĩnh Hải. Tuy nhiên, tín dụng trong cộng đồng người Khmer ở Phường 2 cũ và xã Vĩnh Hải là chưa có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê. Điều đó có thể là quá trình đô thị hóa ở vùng đồng bào Khmer ven biển TP. Cần Thơ hiện nay diễn ra còn chưa lâu và tác động của đô thị hóa vào sản xuất và sinh hoạt đối với người Khmer là chưa cao.

- Tín dụng trong cộng đồng là một nguồn lực tài chính quan trọng

Trong các hình thức vay mượn được ghi nhận, thì vay mượn trong cộng đồng (thuộc hình thức tín dụng phi chính thức) còn tồn tại khá phổ biến cả ở khu vực thành thị cũng như ở nông thôn. Chúng ta đã có nói đến hình thức mua chịu (lương thực, thực phẩm,...), mượn không trả lãi, và kể cả có trả lãi thì thường là lãi suất thấp, không đòi hỏi thế chấp, thể hiện

sự gắn kết của người Khmer đối với cộng đồng, trước hết là họ hàng, lối xóm, bạn bè. Bên cạnh đó còn có tiền giúp đỡ của người thân trong nước (7 hộ, chiếm 5,8% hộ khảo sát) và ở nước ngoài (2 hộ, chiếm 1,7%),... Có thể nói, vay mượn trong cộng đồng là nguồn lực tài chính quan trọng đối với đồng bào Khmer trong sản xuất cũng như trong sinh hoạt hàng ngày, nhất là các hộ nghèo.

- *Sự ưu thế của tín dụng hỗ trợ từ các dự án của Nhà nước thông qua NHCS*

Trong giai đoạn 1 (2021-2025), đã có nhiều dự án trong CTMTQG thực hiện trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu cũ nói chung và tại hai xã phường khảo sát nói riêng. Trong đó có dự án về nhà ở và đất ở, dự án chuyển đổi nghề, dự án hỗ trợ nước sinh hoạt,... NHCS thông qua các CTMTQG, có một mạng lưới rộng khắp là chính quyền cơ sở và các tổ chức chính trị-xã hội là một ưu thế mà không có một ngân hàng thương mại nào có thể tiếp cận được. Bảng 5 ở trên cho thấy nguồn vay chủ yếu của 42 hộ có vay trong 12 tháng trước cuộc khảo sát thì nguồn vay chính, cũng là nguồn vay lớn nhất, là từ NHCS 17 hộ, chiếm 40,5% số hộ vay. Tổng số tiền vay từ NHCS là 1,08 tỷ đồng, trung bình mỗi hộ vay 63,53 triệu đồng. Tiêu biểu như tại xã Vĩnh Hải: năm 2022-2023 hỗ trợ 26 hộ mua đất ở, 15 hộ xây nhà mới; năm 2024 hỗ trợ xây mới 60 căn; hỗ trợ cho 267 hộ chuyển đổi nghề, hỗ trợ phương tiện trữ nước cho 49 hộ,... (PVS nam, lãnh đạo xã). Có thể nói chính NHCS đã đưa nguồn vốn chính sách đến tận xã, ấp, thôn/bản, vùng sâu, vùng xa đặc biệt là tới các hộ nghèo là DTTS, bao gồm cả đồng bào Khmer. Nguồn vốn kể trên góp phần quan trọng giải quyết một trong 5 dịch vụ cơ bản trong mục tiêu giảm nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025. “Các hộ vay để xây/sửa nhà ở được vay tối đa là 40 triệu đồng tại NHCS với lãi suất 3,3%/năm, đem lại sự ổn định đời sống, là đòn bẩy thoát nghèo bền vững cho đồng bào Khmer” (PVS nam, lãnh đạo xã). Tuy nhiên, theo Phó ban Quản trị chùa Trà Sét, thì trong 912 hộ Khmer ấp Trà Sét, vào tháng 8/2024, còn 27 căn nhà tạm bợ (PVS nam, Phó ban Quản trị chùa Trà Sét).

- *Hộ có thu nhập cao có xu hướng vay mượn nhiều hơn hộ có thu nhập thấp*

**Bảng 7. BQTNDN (1000đồng/người/tháng) và số hộ có vay mượn chia theo nhóm thu nhập**

5 nhóm thu nhập	Hộ	Nhân khẩu	BQTNDN	Số hộ có vay mượn và hiện còn nợ	[5] Số hộ có vay mượn năm qua	[6] Bình quân mức vay mượn (triệu đồng/hộ)
Nhóm thấp nhất	19	122	127	12	10	16,01
Nhóm dưới trung bình	22	124	632	14	7	19
Nhóm trung bình	27	127	1.203	15	14	32,71
Nhóm trên trung bình	26	121	2.154	19	12	60
Nhóm cao nhất	26	124	5.586	17	11	92,18
Tổng cộng	120	618	1.942	77	54	46,02

*Nguồn: Dữ liệu khảo sát bằng phiếu hỏi 120 hộ vào tháng 8/2024.*

Mối tương quan giữa số hộ có vay mượn và mức tiền vay mượn với nhóm thu nhập theo ngũ phân vị được phân tích và hệ thống hóa qua bảng 7. Trong tổng số 77 hộ có vay mượn (54 hộ) và đang còn nợ (68 hộ), số hộ tăng dần từ nhóm thu nhập thấp nhất lên nhóm thu nhập cao nhất, mặc dù khoảng cách không cao (2 hộ). Giới hạn trong phạm vi 54 hộ có vay mượn trong 12 tháng thể hiện tại cột [5] cho thấy số hộ có khuynh hướng tăng ở nhóm thu nhập trung bình và các nhóm trên trung bình. Cùng với xu hướng đó là bình quân mức vay mượn tại cột [6] cũng tăng một cách rõ rệt ở nhóm thu nhập trung bình và các nhóm trên trung bình.

#### 4. Kết luận và giải pháp

Nguồn lực tài chính cho hoạt động mưu sinh của đồng bào Khmer vùng ven biển TP. Cần Thơ qua khảo sát cho thấy đã tăng lên đáng kể, gồm các hình thức tín dụng cổ truyền trong phum sóc Khmer, được tăng cường từ nhiều nguồn vay kể cả chính thức và phi chính thức,... Trong vùng Khmer thì nguồn tín dụng hỗ trợ của Nhà nước từ các dự án thuộc CTMTQG chiếm tỷ lệ cao và có vai trò rất quan trọng đối với hộ nghèo. Nguồn vay lớn nhất là từ NHCS, đã cải thiện đáng kể điều kiện sinh hoạt của hộ Khmer, đặc biệt về đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt. Các dịch vụ phục vụ sản xuất tại hai địa bàn khảo sát tập trung vào canh tác lúa, rau màu và chăn nuôi thủy sản.

Kết quả khảo sát cho thấy hiệu quả sản xuất của họ còn thấp và nợ vốn vay còn tồn đọng là khá cao. Khả năng cải thiện cuộc sống của họ bằng chính các hoạt động sản xuất-kinh doanh và việc làm tại chỗ là chậm. Lao động đi làm ăn xa chiếm tỷ lệ cao và mang lại một nguồn thu nhập đáng kể cho hộ và địa phương. Tại địa bàn khảo sát thì sinh kế trong cộng đồng Khmer chưa được đa dạng trong bối cảnh công nghiệp hóa và đô thị hóa. Điểm tích cực trong sinh kế của họ là tận dụng các nguồn vốn để ứng dụng một số biện pháp kỹ thuật trong sản xuất nhưng vẫn còn trong tình trạng “bước đầu”. Mặc dù nguồn lực tài chính và tín dụng được mở rộng đáng kể, các hoạt động sinh kế và đời sống ở vùng đồng bào Khmer vẫn còn nhiều khó khăn, đặt ra nhiều thách thức đối với việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và hoàn trả vốn vay.

#### Tài liệu tham khảo

- Chi cục Thống kê tỉnh Sóc Trăng. 2025. *Niên giám thống kê tỉnh Sóc Trăng 2024*. Nxb. Thống kê.
- Chính phủ Việt Nam. 2021. Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021, Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.
- Mohammad Yunus. 2003. *Banker to the Poor: Micro-Lending and the Battle Against World Poverty*, Public Affairs, Cambridge, MA.
- Ngân hàng Thế giới. 2022. *Từ chặng đường cuối đến chặng đường kế tiếp - Đánh giá thực trạng nghèo và bình đẳng của Việt Nam năm 2022*. Washington, DC: Ngân hàng Thế giới. Giấy phép: Creative Commons Attribution CC BY 3.0 IGO
- Nguyễn Ngọc Anh. 2024. Việc làm và thu nhập của người Khmer ở ven biển thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. *Tạp chí Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh*, tr. 68-78.
- Nguyễn Thắng và cộng sự. 2021. *Thúc đẩy giảm nghèo nhanh và bền vững theo mọi chiều cạnh và mọi nơi ở Việt Nam - Báo cáo nghèo đa chiều Việt Nam*.

Quốc hội Việt Nam. 2025. Nghị quyết số 202/2025/QH15 Về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Kỳ họp thứ 9, thông qua ngày 12/6/2025.

Thủ tướng Chính phủ. 2020. Quyết định số 33/2020/QĐ-TTg ngày 12/11/2020 về Tiêu chí phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025.

Thủ tướng Chính phủ. 2021. Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 4/6/2021 Phê duyệt danh sách các xã Khu vực III, Khu vực II, Khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025.

UBND thị xã Vĩnh Châu. 2024. Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số thị xã Vĩnh Châu lần thứ IV năm 2024.

Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XV. 2025. Nghị quyết số 1668/NQ-UBTVQH15 Về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025, thông qua ngày 16/6/2025, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2025.